

GHI CHÚ:

• Sau khi kết thúc lịch bảo dưỡng theo quy định trong lịch bảo dưỡng, tiếp tục thực hiện lịch bảo dưỡng theo chu kỳ mới được giới thiệu theo định kỳ khuyến nghị.

| Mục | Tháng | Chi số Km | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|-------|-----------------------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 6 | 12 | 18 | 24 | 30 | 36 | 42 | 48 | 54 | 60 | 66 | 72 | 78 | 84 | 90 | 96 | | |
| x1000km | 1 | 10 | 20 | 30 | 40 | 50 | 60 | 70 | 80 | 90 | 100 | 110 | 120 | 130 | 140 | 150 | 160 | | |
| Thiết bị chung | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Các đồng hồ đo, đèn cảnh báo và còi | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Các đèn chiếu sáng trong ngoài và tấp-lô | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Gạt mưa, cao su và bơm nước rửa kính | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Cài đặt lại đèn nhắc báo dưỡng (nếu có) | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Dây đai an toàn, cơ cấu khóa | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Động cơ xăng 1.6L Duratec TiVCT (Sigma) / 2.0L Duratec - HE (M14) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Dây đai tổng | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Dây đai tổng (1.6L Duratec TiVCT) | | Thay thế ở mỗi 140.000 Km/7 năm | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Dây đai tổng (2.0L Duratec - HE) | | Thay thế ở mỗi 180.000 Km/9 năm | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Dây đai cam (1.6L Duratec TiVCT) | | Thay thế ở mỗi 140.000 Km/7 năm | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Dầu (nhớt) động cơ | 1* | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T |
| Lọc dầu (nhớt) động cơ | 1* | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T |
| Kiểm tra hư hỏng và rò rỉ dầu động cơ | | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T | T |
| Kiểm tra và điều chỉnh khe hở xú-páp (1.6L) | | Kiểm tra ở mỗi 160.000 Km | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hệ thống làm mát | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tình trạng rò rỉ, hư hỏng hệ thống làm mát (ống, két nước, nắp bình nước phụ..vv) | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Nước làm mát | | Thay thế ở mỗi 150.000 Km/7,5 năm | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hệ thống nhiên liệu và nạp khí | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Lọc gió | 2* | V | V | V | V | V | V | V | V | V | V | V | V | V | V | V | V | V | V |
| Lọc nhiên liệu (lắp bên ngoài thùng) | | Thay thế ở mỗi 40.000 Km | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Đường ống nhiên liệu, đầu, chân không, chạm | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Gầm và Thân xe | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hành trình & hoạt động phanh và ly hợp | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Đường ống dầu phanh và các điểm nối | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Mức dầu phanh/dầu ly hợp | 3 | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Dầu phanh | | Thay thế ở mỗi 40.000 Km/2 năm | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Phanh tay | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Trợ lực phanh và ống chân không | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Độ mòn má và đĩa phanh. Phanh tang trống sau. Rò rỉ dầu phanh. (không tháo bánh xe) | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Độ mòn má và đĩa phanh. Phanh tang trống sau. Rò rỉ dầu phanh. (tháo bánh xe) | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Độ mòn má và đĩa phanh, quốc phanh. Kiểm tra tổng phanh, tang trống và chi tiết cao su. (tháo bánh xe và tang trống) | | Kiểm tra mỗi 80.000 Km/4 năm | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Độ mòn và áp suất lốp (Kể cả lốp dự phòng) | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Hệ thống lái | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Chi tiết nối hệ thống lái, rô tuyn, thanh kéo. | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Kiểm tra rò rỉ dầu hộp số tự động. | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Dầu và lọc dầu hộp số tự động Powershift | | Thay thế ở mỗi 120.000 km/6 năm | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Dầu hộp số tay | | Thay thế ở mỗi 120.000 km/6 năm | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hệ thống treo trước & sau | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Lấp ngang và chụp bụi đầu lạp | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Vận chặt các ốc hệ thống gầm, khung, vỏ | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S |
| Cửa, bản lề và khoá cửa | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Đai ốc bánh xe | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S | S |
| Kiểm tra thân xe và sơn | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Hệ thống đánh lửa | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Bugì | | Thay thế ở mỗi 40.000 km | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Hệ thống điều hoà | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Nhiệt độ cửa gió ra, tình trạng đường ống ga và rò rỉ | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Hệ thống điện | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Các điện cực ắc quy, vệ sinh, bôi mỡ (nếu cần) | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |
| Nồng độ, mức dung dịch và rò rỉ axit ắc quy | | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K | K |

Giải thích từ viết tắt:

V: Vệ sinh sạch

T: Thay thế.

K: Kiểm tra, lau chùi, sửa chữa, bôi trơn hoặc thay nếu cần

S: Siết chặt (tham khảo sách hướng dẫn sửa chữa).

Chú ý:

1*: Nếu sử dụng xe liên tục trong các trường hợp đặc biệt sau thì dầu động cơ và lọc dầu cần được thay thường xuyên hơn:

- Sử dụng xe trong điều kiện không khí nhiều bụi
- Động cơ thường để chạy ở tốc độ cầm chừng và xe thường chạy ở tốc độ thấp.
- Vận hành ở đường xấu ví dụ như mặt đường không được phủ nhựa đường, đường đất, cát.
- Dùng để kéo rơ-móc.

2*: Nếu xe chạy trên đường nhiều bụi, cát thì công việc vệ sinh và thay thế cần tiến hành thường xuyên hơn.

3*: Nếu sử dụng phanh/ly hợp liên tục như thường sử dụng ở đường thành phố, đồi núi hoặc trong điều kiện môi trường có độ ẩm cao, công việc kiểm tra và thay thế cần tiến hành thường xuyên hơn.